

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2021/HS-ST

Ngày 25 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thọ

Ông Đỗ Trọng Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021;

Đối với bị cáo:

Hoàng Văn Đ, sinh ngày 30 tháng 7 năm 1996 tại: xã C, huyện Y, tỉnh S; nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh S; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị X; có vợ là Vi Thị T và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/11/2020; có mặt.

- Bị hại:

- Chị Phạm Thị D, sinh năm 1982, nơi cư trú: thôn M, xã X, huyện T, tỉnh T; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Lý Trường S, sinh năm 1959, nơi cư trú: thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Anh Đỗ Ngọc Th, sinh năm 1978, nơi cư trú: khu 1 thị trấn L, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

3. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1960, nơi cư trú: thôn M, xã X, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

4. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1974, nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh S; vắng mặt.

5. Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1985, nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh S; vắng mặt.

6. Chị Lò Thị D, sinh năm 1984, nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh S; vắng mặt.

7. Bà Phùng Thị N, sinh năm 1953, nơi cư trú: tiểu khu 2 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh S; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 10/11/2020, Hoàng Văn Đ cùng bố là Hoàng Văn T (Sinh năm 1974), Hoàng Văn B (Sinh năm 1985- cậu của Hoàng Văn Đ) và vợ là Lò Thị D (Sinh năm 1984) cùng trú tại Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh S) đến cửa hàng "Bà N" do Phùng Thị N (Sinh năm 1953 trú tại tiểu khu 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh S) chủ lấy các mặt hàng đồ dùng truyền thống của người dân tộc Thái đến tỉnh T để bán. Đ nhìn thấy các thỏi kim loại mạ bạc được sử dụng trong các nghi lễ truyền thống của người dân tộc Thái nên đã nảy sinh ý định mua để mang đến lừa bán cho các cửa hàng vàng bạc nhằm chiếm đoạt tài sản. Đ mua 02 thỏi kim loại màu bạc với giá 400.000đ/thỏi và bảo nhân viên ghi vào sổ mua hàng của ông Hoàng Văn T; ông Hoàng Văn B mua 02 thỏi kim loại mạ bạc với mục đích ban đầu là bán cho người dân có nhu cầu trang trí. Sau đó, ông T chở Đ, anh B chở chị D đi theo Quốc lộ 6 hướng về tỉnh T. Khi đến huyện T thì tách nhau đi bán hàng, tới đến xin ngủ nhờ nhà dân.

Khoảng 09 giờ ngày 12/11/2020, khi đi qua tiệm vàng L thuộc thôn M, xã Xuân Bái, huyện T, Đ nói với ông T cho xuống xe để đi bộ tìm môi mua hàng, còn ông T tiếp tục đi bán hàng. Đ vào trong tiệm vàng L gặp chủ cửa hàng là chị Phạm Thị D (Sinh năm 1982) và nói muốn bán thỏi bạc đồng thời rút thỏi kim loại màu bạc dạng khối hình chữ nhật trong túi quần đưa cho chị D. Chị D hỏi về nguồn gốc thỏi bạc thì Đ nói *"Đây là thỏi bạc cổ của ông nội để lại, chị mua được bao nhiêu thì mua"*. Tin tưởng nên chị D không kiểm tra mà cân thỏi kim loại và thỏa thuận giá mua là 3.100.000đ. Đ đồng ý, lấy số tiền 3.100.000đ và rời khỏi cửa hàng. Lúc

này Hoàng Văn B chở chị Lò Thị D thấy Đ đang trong tiệm vàng L nên Ban đi vào. Thấy Đ đưa thỏi bạc giả cho chị D, B không hỏi gì mà điều khiển xe mô tô chở chị D đến tiệm vàng Sinh Lan cách đó khoảng 30m. Ban nảy sinh ý định lừa bán thỏi bạc để chiếm đoạt tài sản nên đã vào gặp chủ cửa hàng là ông Lý Trường S (Sinh năm 1959) để chào bán. Ông S hỏi về nguồn gốc thì B nói *"Đây là bạc cổ của gia đình, do ông nội ốm cần tiền chữa trị nên mới bán"*. Ông S đưa thỏi bạc cho vợ là bà Bùi Thị L (Sinh năm 1960) mang đến tiệm vàng Long Nga để kiểm tra. Phát hiện thỏi bạc là giả nên bà L đã gọi điện báo cho ông S. Thấy ông S nghe điện thoại, B lo sợ hành vi của mình bị phát hiện nên đã để lại thỏi bạc và tự ý rời tiệm vàng, chở chị D đi về nhà. Ban chưa thỏa thuận, giao dịch về việc bán thỏi bạc giả và chưa nhận tiền của ông S, hành vi của B chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Sau khi sự việc xảy ra, chị D và ông S đã báo cáo với Công an xã X, Công an xã X đã tiến hành thu giữ vật chứng và báo cáo Cơ quan điều tra Công an huyện T.

Tiếp đó, sáng ngày 18/11/2020, Đ xin ông T cho đi bán hàng cùng tại tỉnh T mục đích để mang thỏi bạc giả còn lại thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khoảng 12 giờ cùng ngày, ông T và Đ đi đến ngã ba (đèn đỏ) thuộc thị trấn L, huyện T. Lúc này Đ nói với ông T cho xuống xe để đi mua nước, sau đó Đ đi bộ vào tiệm vàng Thịnh Thủy ở khu 1, thị trấn L. Đ đưa thỏi kim loại màu bạc cho ông Đỗ Ngọc T (Sinh năm 1978) - là chủ cửa hàng và nói là thỏi bạc cổ của gia đình, muốn bán lấy tiền. Ông T kiểm tra phát hiện thỏi bạc trên là giả nên đã giữ Đ lại và báo cáo Cơ quan Công an.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu đối với số vật chứng đã thu giữ. Tại Bản kết luận giám định số 8326/C09-P4 ngày 19/11/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: 03 khối hình hộp chữ nhật bằng kim loại màu bạc là hợp kim của đồng, kẽm, niken, bên ngoài khối kim loại có màu bạc do được mạ bạc.

Đối với ông Hoàng Văn T, Hoàng Văn B, chị Lò Thị D không biết việc Đ lấy 02 thỏi bạc giả tại cửa hàng "Bà N" để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ để xử lý.

Bị hại là chị Phạm Thị D sau khi được bồi thường số tiền 3.100.000đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với Hoàng Văn Đ.

Vật chứng của vụ án: 03 thỏi kim loại màu bạc dạng khối hình hộp chữ nhật có kích thước (dài, rộng, cao) lần lượt là 11,4 x 2,5 x 1,7 (cm); 12 x 2,7 x 1,5 (cm); 12 x 2,7 x 1,5 (cm) hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Về phần dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại là chị Phạm Thị D số tiền 3.100.000đ. Chị D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với Hoàng Văn Đ

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSTX ngày 05/01/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Hoàng Văn Đ về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Hoàng Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu; bị hại là chị Phạm Thị D khẳng định nội dung Cáo trạng nêu là đúng và có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ từ 7(Bảy) tháng đến 9(chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 03 thỏi kim loại màu bạc dạng khối hình hộp chữ nhật có kích thước (dài, rộng, cao) lần lượt là 11,4 x 2,5 x 1,7 (cm); 12 x 2,7 x 1,5 (cm); 12 x 2,7 x 1,5 (cm) vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

Về án phí: đề nghị buộc bị cáo Hoàng Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo nhận tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng, nội dung kết

luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Hoàng Văn Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của chị Phạm Thị D 3.100.000đ. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn đưa ra thông tin không đúng sự thật và bằng lời nói dối để chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu với lỗi cố ý. Cho thấy hành vi của bị cáo là rất liều lĩnh, táo bạo tạo nên dư luận xấu trong nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần thiết phải quyết định mức hình phạt nghiêm khắc là phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và buộc phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo hiệu quả của việc cải tạo, giáo dục, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đ thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị Phạm Thị D được số tiền 3.100.000đ, chị D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: bị cáo Đ phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, thể hiện trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt. Do đó, xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ bằng hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Bị cáo Đ đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án; thời gian bị cáo bị tạm giữ tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo bị xử phạt tù, hiện không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Đ chiếm đoạt của chị Phạm Thị D số tiền 3.100.000đ; Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị Phạm Thị D số tiền 3.100.000đ, chị Duyên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

[8] Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 03 thỏi kim loại màu bạc dạng khối hình hộp chữ nhật có kích thước (dài, rộng, cao) lần lượt là 11,4 x 2,5 x 1,7 (cm); 12 x 2,7 x 1,5 (cm); 12 x 2,7 x 1,5 (cm) vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

[9] Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Đ; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; căn cứ vào Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 08 (Tám) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/11/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 03 thanh kim loại màu bạc dạng khối hình hộp chữ nhật có kích thước (dài, rộng, cao) lần lượt là 11,4 x 2,5 x 1,7 (cm); 12 x 2,7 x 1,5 (cm); 12 x 2,7 x 1,5 (cm); có khối lượng lần lượt là 340,1 gam, 329,7 gam, 335,9 gam (đều được cắt thành 02 khối) vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 21/QĐ - VKSTX, ngày 13/01/2021 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Hồng Đức